

## TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VPBANK**

Điều lệ VPBank được Đại hội đồng cổ đông VPBank thông qua ngày 19/04/2011 về cơ bản đã được điều chỉnh lại theo Luật tổ chức tín dụng mới và bổ sung thêm được các nội dung quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của Ngân hàng.

Tuy nhiên, trong năm vừa qua, Ngân hàng Nhà nước ban hành thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam. Những thông tư này có một số nội dung điều chỉnh, quy định chi tiết hơn về tổ chức hoạt động của các TCTD nên Điều lệ Ngân hàng cũng cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, một số nội dung cần thiết phải sửa đổi như Vốn điều lệ cho phù hợp với thực tế hoặc bổ sung thêm các nội dung liên quan tới hoạt động và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị cho rõ ràng và chặt chẽ hơn. Bảng chi tiết các nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung đính kèm.

Do đó, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với các nội dung theo văn bản đính kèm.
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank theo quy định tại điểm 1 nêu trên kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.
3. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện đăng ký/trình Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Điều lệ tại điểm 1 và 2 nêu trên.
4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng, Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ sửa đổi.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Ngô Chí Dũng**



STT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi	Lý do/căn cứ
1	<b>Điều 5, Khoản 1</b> Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng).	<b>Điều 5, Khoản 1</b> Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 5.050.000.000.000 đồng (Năm nghìn không trăm năm mươi tỷ đồng).	Sửa lại Vốn điều lệ phù hợp với thời điểm hiện tại và chỉ đạo của NHNN tại công văn số 365/QĐ-NHNN ngày 29/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
2	<b>Điều 6, Khoản 4</b> Các hình thức tăng vốn điều lệ của VPBank: a) Phát hành thêm cổ phần để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa VPBank và các chủ nợ; b) Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần; c) Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của VPBank; d) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ; Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.	<b>Điều 6, Khoản 4</b> 4.Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; Lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa VPBank và các chủ nợ; c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật	Tham chiếu Điều 29 khoản 1, điểm b Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam (Sau đây gọi tắt là TT 40/2011/TT-NHNN)
3	<b>Điều 32: Thẩm quyền của Hội đồng cổ đông</b> <b>Khoản 16</b>	<b>Điểm g khoản 1 Điều 46</b> Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% so với vốn	Nếu căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 32 và điểm g khoản 1 Điều 46 thì các khoản đầu tư, mua, bán tài sản, có

<p>Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VPBank <i>có giá trị từ 20% trở lên</i> so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p><b>Điều 46: Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Điểm g khoản 1</b></p> <p>Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản <i>có giá trị từ 10% trở lên</i> so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động VPBank, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 16 Điều 32 Điều lệ này.</p>	<p>điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động VPBank, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 16 Điều 32 Điều lệ này.</p>	<p>giá trị nhỏ hơn 10% vốn điều lệ VPBank chưa quy định cấp nào có thẩm quyền quyết định.</p> <p>Do đó, cần quy định rõ hơn thẩm quyền phê duyệt của các cấp trong nội bộ của VPBank</p>
<p>4</p> <p><b>Điều 42, Khoản 2</b></p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau</p>	<p><b>Điều 42, Khoản 2</b></p> <p>Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. <i>Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.</i></p>	<p>Giải thích rõ thêm về tính hiệu lực của của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>5</p> <p><b>Điều 44, Khoản 9</b></p>	<p><b>Điều 44, Khoản 9</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 25 TT 40/2011/TT-</p>

	<p>Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban, hội đồng này.</p>	<p>Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên gồm Trưởng ban là Thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này. Một thành viên HĐQT chỉ được là Trưởng ban một Ủy ban, Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của hai Ủy ban này thực hiện theo quy định của NHNN.</p> <p>b. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban, Hội đồng khác.</p>	<p>NHNN</p>
<p>6</p>	<p><b>Điều 53: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</b></p> <p><b>Khoản 3</b></p> <p>Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, <b>hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ</b> theo</p>	<p><b>Khoản 3, điều 53</b></p> <p>Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, <b>hệ thống kiểm soát nội bộ</b> theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</p>	<p>Tham chiếu thông tư 44/2011/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD</p> <p>Cụm từ “hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ” được thay bằng “hệ thống kiểm soát nội bộ”</p>

	quy định của Ngân hàng Nhà nước		
7	<b>Điều 53: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</b>	<b>Bổ sung thêm các khoản</b> 11. Định kỳ hàng năm, Ban Kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. 12. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng Giám đốc và thống nhất với Chủ tịch HĐQT 13. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng nhà nước (cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước)	TT 44/2011/TT-NHNN Điều 32  Điều 24  Điều 32
8	<b>Chương III: Cơ cấu tổ chức quản lý VPBank</b> <b>Mục I: Các quy định chung</b>	<b>Bổ sung thêm Điều 20a sau Điều 20 về Bộ máy Quản lý và người đại diện theo pháp luật.</b> <b>Điều 20a: Hệ thống kiểm soát nội bộ</b> 1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi	Tham chiếu Điều 40 Luật TCTD số 47/2010/QH12

		<p>nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. VPBank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</li><li>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</li><li>c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</li></ul> <p>3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của VPBank phải được Kiểm toán nội bộ đánh giá định kỳ.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả; tiến hành tổ chức kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ.</p>	<p>Tham chiếu Điều 31 TT 44/2011/TT-NHNN</p>
9	<b>Chương III: Cơ cấu tổ chức quản lý</b>	<b>Bổ sung thêm Điều 20b sau điều 20a</b>	Tham chiếu Điều 41 Luật TCTD số

	<p><b>VPBank</b> <b>Mục I: Các quy định chung</b></p>	<p><b>Điều 20b: Kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Kiểm toán nội bộ là bộ phận chuyên trách thuộc Ban Kiểm soát, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc.</p> <p>4. Tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ phận Kiểm toán nội bộ; chính sách và kế hoạch kiểm toán nội bộ; chế độ báo cáo và lưu hồ sơ tài liệu của bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>47/2010/QH12</p> <p>Chương 3, TT44/2011/TT-NHNN</p>
<p>10</p>	<p><b>Chương I: Những quy định chung</b></p>	<p><b>Bổ sung thêm Điều 4 a (sau Điều 4: Các hoạt động chính)</b></p>	<p>Tham chiếu Điều 91 Luật TCTD số 47/2010/QH12</p>

		<p><b>Điều 4a: Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>VPBank được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</li><li>VPBank có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của VPBank theo quy định của pháp luật</li></ol>	
11	<b>Chương I: Những quy định chung</b>	<p><b>Bổ sung thêm Điều 4b sau Điều 4a</b></p> <p><b>Điều 4c: Hoạt động Ngân hàng điện tử</b></p> <p>VPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	Tham chiếu Điều 97 Luật TCTD
12	<b>Chương I: Những quy định chung</b>	<p><b>Bổ sung thêm Điều 4c sau Điều 4b</b></p> <p><b>Điều 4d: Kinh doanh Bất động sản</b></p> <p>VPBank không được kinh doanh bất động sản trừ các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của VPBank;</li><li>Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa</li></ol>	Tham chiếu Điều 132 Luật TCTD





		<p>sử dụng hết, thuộc sở hữu của VPBank;</p> <p>3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, VPBank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định của pháp luật.</p>	
--	--	--	--